TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** TỈNH TRÀ VINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/6/2022
Về tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung;

Bà Trang Thị Cẩm Nhuần.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2020, về Tranh chấp ly hôn và nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST - HNGĐ, ngày 24 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Hồ Thủy T, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp TTK, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Thanh M, sinh năm 1986 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp TTK, xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/8/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lâm Hồ Thủy T trình bày:

Vào năm 2014, chị và anh Trịnh Thanh M xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống chung với cha, mẹ ruột chị. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị có 01 con chung tên Trịnh Ngọc NY, sinh ngày 10/12/2014, hiện nay đang sống với chị; về tài sản chung và nợ chung không có.

Do vợ chồng sống chung không hợp, thường xuyên cự cải, cuộc sống không hạnh phúc nên giữa chị với anh M không còn chung sống với nhau từ tháng 4 năm 2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Thanh M. Về con chung, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung nêu trên, không yêu cầu anh M cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/3/2021, bị đơn anh Trịnh Thanh M trình bày:

Anh thống nhất với ý kiến của chị Lâm Hồ Thủy T về quá trình xác lập hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng; nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T.

Những vấn đề các đương sự thống nhất: Về tài sản chung và nợ chung, chị Lâm Hồ Thủy T và anh Trịnh Thanh M khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Về hôn nhân, chị Lâm Hồ Thủy T yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Thanh M, nhưng anh M không đồng ý ly hôn. Về con chung, chị T yêu cầu được nuôi cháu Trịnh Ngọc NY, không yêu cầu anh M cấp dưỡng, nhưng anh M không nêu ý kiến về vấn đề này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Trịnh Thanh M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Hồ Thủy T với anh Trịnh Thanh M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2014, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật; chị T có nộp bản sao trích lục kết hôn do Ủy ban nhân dân xã HT cấp, nên hôn nhân giữa chị T với anh M là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian dài và có 01 con chung tên Trịnh Ngọc NY, sinh ngày 10/12/2014. Tuy nhiên, do anh chị không hợp, thường xuyên cự cãi dẫn đến mâu thuẫn nên anh M không còn sống chung với chị T từ tháng 4 năm 2020 đến nay. Từ khi thụ lý vụ án đến nay thời gian dài nhưng chị T và anh M không thể tự hàn gắn, đoàn tụ. Anh M không đến Tòa án tham dự phiên tòa theo giấy triệu tập để ý kiến về quan hệ hôn nhân của mình, cho thấy anh thiếu quan tâm, bỏ mặc. Ngoài ra, do anh, chị không sống chung thời gian dài nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy chị T yêu cầu được ly hôn với anh M là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu Trịnh Ngọc NY hiện đang sống chung với chị T, hiện tình trạng cuộc sống tốt và tại phiên tòa, cháu NY có nguyện vọng sống chung với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Trịnh Ngọc NY cho chị T tiếp tục nuôi, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh M khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Trịnh Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Hồ Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lâm Hồ Thủy T được ly hôn với anh Trịnh Thanh M.

2. Về con chung: Chị Lâm Hồ Thủy T được tiếp tục nuôi con chung tên Trịnh Ngọc NY, sinh ngày 12/10/2014, chị T không yêu cầu anh M cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lâm Hồ Thủy T và anh Trịnh Thanh M khai không có, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí:

Buộc chị Lâm Hồ Thủy T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (phần án phí hôn nhân và gia đình); nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002941 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TC; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trịnh Thanh M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án để xin xét xử phúc thẩm.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã HT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm